

Số: 401 /QĐ-CĐBK

Bắc Kạn, ngày 31 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành chương trình đào tạo ngành/nghề: Thú y
(sửa đổi, bổ sung), trình độ: Cao đẳng liên thông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BẮC KẠN

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp số 74/2014;

Căn cứ Thông tư số: 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ quyết định số 48/QĐ - CĐBK ngày 27 tháng 4 năm 2020 của trường Cao đẳng Bắc Kạn về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động trường Cao đẳng Bắc Kạn;

Căn cứ biên bản họp của Hội đồng đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành/nghề: Thú y, trình độ Cao đẳng liên thông:

Tên nghề	Mã nghề	Khối lượng kiến thức toàn khóa học	Số tín chỉ
Thú y	6640203	975	39

(Kèm theo nội dung chương trình chi tiết)

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng từ năm học 2021 – 2022 đối với các lớp tuyển sinh và đào tạo từ tháng 9 năm 2021 trở đi.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo, khoa Nông lâm và Trưởng các phòng, khoa liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /m

Nơi nhận:

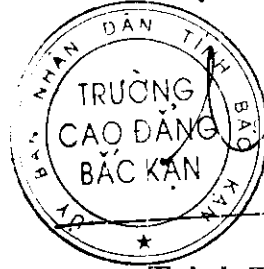
Gửi bản điện tử:

- BGH;
- Như Điều 3 (t/h).
- Phòng Đào tạo: Nhân, Diêu, Chung, Tùng; Ánh;

Gửi bản giấy:

- Phòng Đào tạo: Nhân 5 bản;
- Lưu: VT, ĐT. *HT*

HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Tiến Long



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số: 401/QĐ-CĐBK ngày 31 tháng 8 năm 2021

của Trường Cao đẳng Bắc Kạn)

Tên ngành, nghề: Thú y

Mã ngành, nghề: 6640203

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Liên thông chính quy - Phương thức đào tạo tích lũy tín chỉ hoặc mô đun

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung cấp chuyên ngành Thú y, Chăn nuôi thú y, có bằng tốt nghiệp THPT hoặc tương đương. Nếu chưa có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông thì phải bảo đảm đã học và thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thời gian đào tạo: 01 năm

Kết thúc khóa học người học được cấp bằng tốt nghiệp Cao đẳng liên thông và được công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung


Sau khi kết thúc khóa học, người học có khả năng:

- Thực hiện được quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, phòng và điều trị các bệnh phổ biến cho một số loài vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể. Quản lý được tổ/nhóm trong sản xuất kinh doanh. Nghiên cứu và ứng dụng được các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong lĩnh vực chuyên ngành. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm theo yêu cầu thực tiễn sản xuất.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

- Mô tả được:

+ Vị trí, hình thái, cấu tạo và chức năng sinh lý của các cơ quan trong cơ thể vật nuôi. 

+ Nguyên lý cấu tạo, quy trình sử dụng các loại dụng cụ thường dùng trong chăn nuôi, thú y.

+ Hình dạng, kích thước và khả năng gây bệnh của vi sinh vật thú y.

+ Quy trình chuẩn bị thức ăn, nước uống và chăm sóc, nuôi dưỡng vật nuôi.

+ Quy trình phòng bệnh cho từng đối tượng vật nuôi theo từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Xác định được:

+ Các chất cơ bản cấu tạo nên tế bào cơ thể động vật.

+ Các nhóm thuốc, vắc xin thường dùng trong chăn nuôi thú y.

+ Nguyên nhân của một số bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.

+ Phương pháp khuyến cáo cho các hộ chăn nuôi về quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng trừ dịch bệnh.

- Xây dựng được phác đồ điều trị một số căn bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.

- Thiết kế được một lô thí nghiệm cụ thể, thu thập được các số liệu làm cơ sở khoa học để viết khóa luận tốt nghiệp.

- Có kiến thức cơ bản về tin học cơ bản, ngoại ngữ tiếng Anh (trình độ bậc 2/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam).

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được quy trình mổ khám, mổ giải phẫu, phát hiện được bệnh tích trong cơ thể vật nuôi.

- Lựa chọn được các nhóm thuốc, vaccin để phòng và trị bệnh cho vật nuôi.

- Sử dụng được các loại dụng cụ thường dùng trong chăn nuôi, thú y.

- Chuẩn bị được: Chuồng trại, thức ăn, nước uống cho từng đối tượng vật nuôi, từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Thực hiện được: Quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng và phòng bệnh cho từng đối tượng vật nuôi, từng phương thức chăn nuôi cụ thể.

- Phát hiện và điều trị được những bệnh thường xảy ra trên vật nuôi.

- Ứng dụng được công nghệ thông tin trong công việc (soạn thảo văn bản, lập kế hoạch, trao đổi thư tín, tìm kiếm tài liệu...)

- Thực hiện được một lô thí nghiệm cụ thể.

- Viết và báo cáo được khóa luận tốt nghiệp theo chuyên đề.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Giao tiếp, ứng xử phù hợp trong lĩnh vực thị trường và các hộ chăn nuôi. 94

- Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và an toàn lao động.
- Đảm bảo vệ sinh dịch tễ và vệ sinh môi trường.
- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm có sự trợ giúp hướng dẫn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Thú y viên cơ sở.
- Quản lý tổ/nhóm sản xuất kinh doanh trong công ty, hợp tác xã, trang trại thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y.
- Kinh doanh và hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực chăn nuôi – thú y.
- Có thể học liên thông lên trình độ đại học hoặc học chuyên sâu về lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, môđun: 16
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 975 giờ, 39 tín chỉ
 - + Khối lượng các môn học chung: 180 giờ, 08 tín chỉ
 - + Khối lượng các môn học, môđun chuyên môn: 795 giờ, 31 tín chỉ
 - + Khối lượng lý thuyết: 336 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 611 giờ; Kiểm tra: 28 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/môđun	Số tín chỉ	Thời gian học tập(giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	08	180	63	105	12
MH 01	Chính trị	03	45	25	16	04
MH 02	Pháp luật	01	15	09	05	01
MH 03	Giáo dục thể chất	01	30	01	27	02

- Chấp hành nghiêm chỉnh kỷ luật và an toàn lao động.
- Đảm bảo vệ sinh dịch tễ và vệ sinh môi trường.
- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm có sự trợ giúp hướng dẫn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Được tuyển dụng vào các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập.
- Thú y viên cơ sở.
- Quản lý tổ/nhóm sản xuất kinh doanh trong công ty, hợp tác xã, trang trại thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y.
- Kinh doanh và hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực chăn nuôi – thú y.
- Có thể học liên thông lên trình độ đại học hoặc học chuyên sâu về lĩnh vực chăn nuôi và thú y.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 16
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 975 giờ, 36 tín chỉ
- + Khối lượng các môn học chung: 180 giờ, 08 tín chỉ
- + Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 795 giờ, 31 tín chỉ
- + Khối lượng lý thuyết: 336 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 608 giờ; Kiểm tra: 28 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập(giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ Thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung	08	180	63	105	12
MH 01	Chính trị	03	45	25	16	04
MH 02	Pháp luật	01	15	09	05	01
MH 03	Giáo dục thể chất	01	30	01	27	02

MH 04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	01	30	14	14	02
MH 05	Tin học	01	30	05	24	01
MH 06	Tiếng Anh	01	30	09	19	02
II	<i>Các môn học, mô đun chuyên môn</i>	31	795	273	506	16
MH 07	Động vật học	2	30	28	0	2
MH 08	Giải phẫu – sinh lý vật nuôi	1	15	14	0	1
MH 09	Dược lý thú y	1	15	14	0	1
MH 10	Sinh hóa động vật	2	30	28	0	2
MH 11	Vi sinh vật thú y	2	45	15	28	2
MH 12	Miễn dịch học thú y	2	30	28	0	2
MH 13	Vệ sinh gia súc	2	45	15	28	2
MH 14	Phương pháp tiếp cận khoa học	2	30	28	0	2
MH 15	Bảo vệ môi trường và an toàn sinh học trong chăn nuôi	2	30	28	0	2
MĐ 16	Thực tập tốt nghiệp	15	525	75	450	0
Tổng		39	975	336	611	28
Tỷ lệ %				34,46	62,35	

*** Ghi chú:**

Đối với môn học/ mô đun: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết. Thời gian kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa ✎

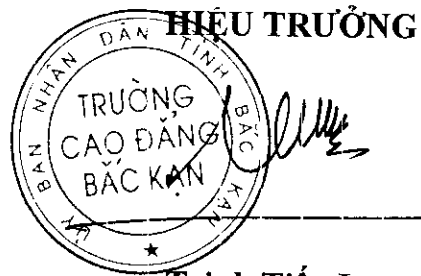
- Việc lựa chọn hình thức thực hành, thực tập tại cơ sở cũng như phân bổ thời gian thực hành với thời lượng hợp lý, đảm bảo về thời lượng và các mục tiêu, nội dung cơ bản nói trên.

- Bảo đảm tính logic, hệ thống của chương trình đào tạo cao đẳng nghề Thú y tạo điều kiện thuận lợi để người học có cơ hội học tập ở cấp độ cao hơn;

- Cần chú ý đến nhu cầu thị trường lao động phù hợp với từng vùng, miền, địa phương và lãnh thổ khác nhau;

- Thường xuyên cập nhật những tiến bộ khoa học, kỹ thuật về Thú y để kịp thời bổ sung vào chương trình giảng dạy đáp ứng nhu cầu thực tế của sản xuất;

- Chương trình cao đẳng liên thông Thú y nên được đánh giá, xem xét qua từng khóa học, nhằm phát hiện những hạn chế để kịp thời bổ sung, chỉnh sửa phù hợp thực tiễn sản xuất của ngành./



Trịnh Tiến Long

